

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE

Nghề đào tạo : Điều dưỡng

Mã ngành : 6720301

Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Hình thức đào tạo : Chính quy (Theo hình thức niên chế)

Thời gian đào tạo : 3 năm

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Hải Dương, năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm quyết định số 244^a/QĐ – CĐYT ngày 31 tháng 10 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hải Dương)*

Hải Dương, ngày 31 tháng 10 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành	: Điều dưỡng
Mã ngành	: 6720301
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Hình thức đào tạo	: Chính quy (Theo hình thức niên chế)
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo	: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Điều dưỡng trình độ Cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành Điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương trình Điều dưỡng cao đẳng nhằm đào tạo người Điều dưỡng có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe an toàn và hiệu quả cho người bệnh. Được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và tâm huyết với nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp trong khuôn khổ quy định của luật pháp và các chính sách của Nhà nước, người Điều dưỡng sẽ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe người bệnh một cách toàn diện về thể chất, tâm, sinh lý và xã hội. Đồng thời, người Điều dưỡng luôn có ý thức học hỏi, chủ động phát triển nghề nghiệp cho bản thân mình, đảm bảo thực hành chuyên môn an toàn, hiệu quả.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Hiểu biết và vận dụng được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung và ngành Điều dưỡng nói riêng;

- Có kiến thức tổng quát về cấu tạo và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý. Áp dụng được các kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng và kiến thức chuyên ngành Điều dưỡng trong cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân;

- Phân tích và vận dụng được các nguyên lý chăm sóc điều dưỡng, các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, và một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên

khoa tại bệnh viện và cộng đồng trong việc chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc và phòng bệnh cho cá nhân, gia đình và cộng đồng;

- Hiểu rõ 25 chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam trong công việc chăm sóc người bệnh, quản lý điều dưỡng và hành nghề điều dưỡng;

- Hiểu biết về phương pháp nghiên cứu khoa học trong công tác điều dưỡng.

1.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

(Năng lực thực hành: theo chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam)

3 LĨNH VỰC	25 CHUẨN NĂNG LỰC	110 TIÊU CHÍ
1. Lĩnh vực chăm sóc	<i>1. Hiểu biết về tình trạng sức khỏe người bệnh</i>	1. Xác định tình trạng sức khỏe
		2. Giải thích tình trạng sức khỏe
	<i>2. Ra quyết định chăm sóc</i>	1. Phân tích vấn đề sức khỏe
		2. Ra quyết định chăm sóc
		3. Thực hiện chăm sóc
		4. Theo dõi khi chăm sóc
	<i>3. Xác định sức khỏe ưu tiên</i>	1. Xác định sức khỏe ưu tiên
		2. Can thiệp
	<i>4. Sử dụng Quy trình Điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc</i>	1. Nhận định người bệnh
		2. Tổng hợp thông tin
		3. Phân tích vấn đề sức khỏe
		4. Lập kế hoạch chăm sóc
		5. Giải thích cho người bệnh
		6. Hướng dẫn người bệnh
		7. Đánh giá chăm sóc
		8. Hỗ trợ người bệnh xuất viện
		9. Giáo dục sức khỏe
	<i>5. Tạo an toàn cho người bệnh</i>	1. Biện pháp tạo an toàn
		2. Đảm bảo thoải mái cho người bệnh
		3. Đảm bảo kín đáo cho người bệnh
	<i>6. Tiến hành kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình</i>	1. Đủ các bước
2. Thành tạo		
3. Đảm bảo kiểm soát nhiễm khuẩn		
<i>7. Dùng thuốc cho người bệnh an toàn</i>	1. Hỏi tiền sử dị ứng thuốc	
	2. Nắm kỹ quy tắc dùng thuốc	
	3. Hướng dẫn sử dụng thuốc	

	4. Xử trí phản ứng thuốc
	5. Biết tương tác thuốc
	6. Nhận biết hiệu quả thuốc
	7. Ghi chép đúng, đủ
8. Chăm sóc liên tục	1. Bàn giao chăm sóc, theo dõi
	2. Phối hợp trong chăm sóc
	3. Có biện pháp thích hợp
9. Sơ cấp cứu	1. Phát hiện vấn đề cấp cứu
	2. Ra quyết định xử trí kịp thời
	3. Phối hợp trong xử trí
	4. Xử trí đúng, nhanh chóng
10. Lập mối quan hệ với người bệnh	1. Tạo niềm tin cho người bệnh
	2. Giao tiếp với người bệnh
	3. Lắng nghe người bệnh
11. Giao tiếp người bệnh có hiệu quả	1. Biết tâm lý người bệnh
	2. Giao tiếp có hiệu quả
	3. Dùng lời nói để giao tiếp hiệu quả
	4. Hiểu văn hóa người bệnh để giao tiếp
12. Sử dụng kênh truyền thông để giao tiếp	1. Sử dụng phương tiện nghe nhìn
	2. Sử dụng phương tiện giao tiếp
13. Cung cấp thông tin cho người bệnh	1. Xác định thông tin cần thiết
	2. Chuẩn bị tâm lý người bệnh khi giao tiếp
14. Tổ chức giáo dục sức khỏe	1. Thu thập thông tin
	2. Xác định nhu cầu giáo dục sức khỏe
	3. Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe
	4. Chuẩn bị tài liệu giáo dục sức khỏe
	5. Thực hiện giáo dục sức khỏe
	6. Đánh giá giáo dục sức khỏe
15. Làm việc nhóm	1. Duy trì mối quan hệ với nhóm
	2. Hợp tác tốt
	3. Tôn trọng nhau
	4. Tôn trọng quyết định đồng nghiệp
	5. Chia sẻ thông tin
	6. Vai trò biện hộ cho người bệnh

2. Lĩnh vực quản lý	<i>16. Quản lý bệnh án</i>	1. Biết quy chế quản lý bệnh án
		2. Bảo mật thông tin bệnh án
		3. Ghi chép hồ sơ đúng nguyên tắc
		4. Sử dụng hồ sơ đúng quy định
	<i>17. Quản lý công tác chăm sóc</i>	1. Xác định công việc
		2. Phân công nhiệm vụ
		3. Điều phối công việc
		4. Sử dụng nguồn lực có hiệu quả
		5. Sử dụng công nghệ thông tin
	<i>18. Quản lý trang thiết bị</i>	1. Phát huy hiệu quả trang thiết bị
		2. Bảo trì trang thiết bị
		3. Vận hành trang thiết bị
	<i>19. Sử dụng nguồn lực tài chính</i>	1. Biết hiệu quả kinh tế
		2. Xây dựng nguồn lực tài chính
	<i>20. Lập môi trường làm việc an toàn</i>	1. Biết quy tắc làm việc an toàn
		2. Biết chính sách làm việc an toàn
		3. Quản lý môi trường chăm sóc
		4. Quản lý chất thải y tế
		5. Phòng cháy
		6. Hiểu biết sức khỏe nghề nghiệp
	<i>21. Cải tiến chất lượng chăm sóc</i>	1. Đảm bảo chất lượng chăm sóc
		2. Khắc phục nguy cơ trong chăm sóc
		3. Nhận phản hồi từ người bệnh
		4. Áp dụng phương pháp cải tiến
5. Tham gia hoạt động cải tiến		
6. Chia sẻ thông tin về người bệnh		
7. Bình phiếu chăm sóc		
8. Đề xuất về phương pháp chăm sóc		
9. Thực hành dựa vào bằng chứng		
<i>22. Nghiên cứu khoa học</i>	1. Đưa ra vấn đề để nghiên cứu	
	2. Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học	
	3. Sử dụng phần mềm thống kê y học	
	4. Đề xuất sau nghiên cứu	
	5. Chia sẻ kết quả sau nghiên cứu	
	6. Ứng dụng kết quả nghiên cứu	

	23. <i>Phát triển năng lực bản thân</i>	1. Nguyên vọng nâng cao trình độ 2. Học tập liên tục 3. Tham gia các hoạt động nghề nghiệp 4. Quảng bá hình ảnh người Điều dưỡng 5. Tích cực và thích nghi với đổi mới 6. Chăm sóc theo tiêu chuẩn thực hành Điều dưỡng 7. Đóng góp cho đồng nghiệp 8. Đóng góp cho ngành nghề
3. Lĩnh vực hành nghề	24. <i>Hành nghề theo quy định pháp luật</i>	1. Hành nghề theo pháp luật 2. Tuân thủ nội quy cơ quan 3. Thực hiện quy tắc ứng xử 4. Ghi chép về dữ liệu người bệnh
	25. <i>Hành nghề theo y đức</i>	1. Chịu trách nhiệm khi hành nghề 2. Tuân thủ chuẩn y đức 3. Báo cáo thành thật khi vi phạm

1.2.2.2. *Kỹ năng mềm*

* **Giao tiếp ứng xử:** Thực hiện đúng quy định ứng xử trong các cơ sở khám chữa bệnh (Theo thông tư 07/2014/TT-BYT) như:

- Khi thực tập tại các cơ sở y tế:

+ Thực hiện nghiêm túc quy định tại các cơ sở thực tập.

+ Có đạo đức và lối sống lành mạnh.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt.

+ Chấp hành nhiệm vụ được giao, chủ động, chịu trách nhiệm trong công việc.

- Khi ứng xử giao tiếp:

+ Lịch sự, hòa nhã và ứng xử văn minh

+ Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh.

* **Về Ngoại ngữ (Tiếng Anh):**

- Có khả năng giao tiếp được các tình huống cơ bản đặc biệt trong tiếp xúc, thăm khám và chăm sóc người bệnh.

- Đọc hiểu được các đoạn y văn trong chương trình và tham khảo được một số tài liệu chuyên ngành.

*** Về Tin học:**

- Thực hiện được các thao tác quản lý đối với các thư mục, tập tin trên máy tính.

- Sử dụng được các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm thông tin.

- Thực hiện được các thao tác soạn thảo, định dạng cơ bản trong Microsoft Word.

- Thực hiện được các thao tác tạo và định dạng bảng tính; biết vận dụng công thức và các hàm cơ bản vào các bài toán ứng dụng Microsoft Excel.

- Thiết kế được các trình diễn, tạo các bài báo cáo bằng phần mềm Microsoft PowerPoint.

*** Kỹ năng làm việc nhóm:** Phối hợp với các thành viên trong nhóm có hiệu quả

1.2.3. Thái độ

1.2.3.1. Thực hiện đầy đủ 12 điều y đức:

- Có lương tâm và có trách nhiệm với nghề, yêu nghề và không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn

- Tôn trọng pháp luật và thực hiện đúng quy chế chuyên môn

- Tôn trọng quyền lợi của người dân đến khám chữa bệnh, không phân biệt đối xử, lịch sự, nhã nhặn, trung thực.

- Giao tiếp ứng xử lịch sự, giải thích nhẹ nhàng với người nhà người bệnh.

- Cấp cứu khẩn trương, không đùn đẩy người bệnh

- Kê đơn thuốc an toàn, phù hợp với chẩn đoán, không tư lợi

- Không rời bỏ vị trí khi đang làm việc

- Giáo dục sức khỏe trước khi người bệnh xuất viện

- Có thái độ đồng cảm, chia sẻ, an ủi người nhà người bệnh khi người bệnh tử vong.

- Quan hệ tốt với đồng nghiệp.

- Biết kiểm điểm và tự kiểm điểm bản thân khi mắc lỗi, không đùn đẩy trách nhiệm

- Tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục sức khỏe.

1.2.3.2. Tuân thủ đúng 8 tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng viên

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh

- Tôn trọng người bệnh và người nhà người bệnh

- Thân thiện với người bệnh và người nhà người bệnh

- Trung thực khi hành nghề

- Duy trì và nâng cao năng lực hành nghề

- Tự tôn nghề nghiệp

- Thật thà đoàn kết với đồng nghiệp

- Cam kết với cộng đồng và xã hội

1.3. Trình độ cao đẳng đạt được: Cử nhân thực hành

1.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp: Các cơ sở y tế của nhà nước và tư nhân từ tuyến Trung ương, tỉnh, thành phố đến cơ sở đào tạo, quản lý trong lĩnh vực y tế.

- Học tiếp tục: Các loại hình đào tạo đại học và sau đại học.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học:

- Số lượng môn học: 44;

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 92 tín chỉ;

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2673 giờ;

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ;

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2238 giờ;

- Khối lượng lý thuyết: 863 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1735 giờ;

- Khối lượng thi - kiểm tra: 75 giờ.

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Tỷ lệ:

$$\text{Tỷ lệ \% Lý thuyết} = \frac{863 \times 100}{2673} = 32,28 \%$$

$$\text{Tỷ lệ \% Thực hành} = \frac{1735 \times 100}{2673} = 64,92\%$$

$$\text{Tỷ lệ \% Kiểm tra,Đánh giá} = \frac{75 \times 100}{2673} = 2,80 \%$$

3. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	TS	LT	TH, TT	KT
I.	Các môn học chung/đại cương	18	435	160	255	20
MH 01	Chính trị	4	75	41	29 (29-0)	5
MH 02	Pháp luật	1	30	18	10 (10-0)	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51 (51-0)	4
MH 04	Giáo dục QP - AN	3	75	36	35 (35-0)	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58(58-0)	2
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	5	120	45	72(72-0)	3
II.	Các môn học chuyên môn	74	2238	703	1480	55
II.1	Các môn học cơ sở	11	228	182	36	10
MH 07	Sinh học và Di truyền	1	20	19	0	1
MH 08	Hóa học đại cương	1	20	19	0	1
MH 09	Vật lý và Lý sinh	1	20	19	0	1
MH 10	Giải phẫu - Sinh lý	4	76	43	30 (30-0)	3
MH 11	Hoá sinh	1	20	19	0	1
MH 12	Vi sinh - Ký sinh trùng	1	22	15	6 (6-0)	1
MH 13	Sinh lý bệnh	1	26	25	0	1
MH 14	Dược học và thuốc thiết yếu	1	24	23	0	1
II.2	Các môn học chuyên môn	37	700	487	188	25
MH 15	Điều dưỡng CS I	3	90	29	58 (58-0)	3
MH 16	Điều dưỡng CS II	3	100	19	78 (78-0)	3
MH 17	Dinh dưỡng - ATTP	1	16	15	0	1
MH 18	Sức khỏe - MT và nâng cao SK	1	16	15	0	1
MH 19	Tổ chức Y tế	1	16	15	0	1

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	TS	LT	TH, TT	KT
MH 20	Y đức	1	12	11	0	1
MH 21	KNGT- Tâm lý giáo dục sức khỏe	1	20	19	0	1
MH 22	Kiểm soát NK	1	20	19	0	1
MH 23	YHCT - PHCN	2	40	26	12 (12-0)	2
MH 24	Quản lý Điều dưỡng	1	20	19	0	1
MH 25	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa - Người cao tuổi	4	70	60	8 (8-0)	2
MH 26	CSSK bệnh Ngoại khoa	3	40	39	0	1
MH 27	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	30	29	0	1
MH 28	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3	40	27	12(12-0)	1
MH 29	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	3	40	39	0	1
MH 30	CSSK Cộng đồng	1	40	19	20	1
MH 31	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	30	29	0	1
MH 32	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	20	19	0	1
MH 33	Chăm sóc sức khỏe bệnh chuyên khoa	3	40	39	0	1
II.3	Các môn học hỗ trợ	3	50	34	14	2
MH 34	Xác suất thống kê Y học	1	20	19	0	1
MH 35	Nghiên cứu khoa học	2	30	15	14 (14-0)	1
II.4	Các môn học lâm sàng tại bệnh viện và cơ sở	23	1260	0	1242	18
MH 36	Lâm sàng điều dưỡng cơ sở 1, 2	2	100	0	98 (0-98)	2
MH 37	Lâm CSSK người lớn bệnh Nội	3	200	0	198(0-198)	2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	TS	LT	TH, TT	KT
	khoa - Người cao tuổi					
MH 38	Lâm sàng Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	2	100	0	98 (0-98)	2
MH 39	Lâm sàng CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa	3	160	0	158 (0-158)	2
MH 40	Lâm sàng Chăm sóc sức khỏe TE	3	160	0	158 (0-158)	2
MH 41	Lâm sàng CSSK PN, BM và GD	3	160	0	158 (0-158)	2
MH 42	Lâm sàng Chăm sóc SK tâm thần	1	40	0	39(0-39)	1
MH 43	Lâm sàng Chăm sóc SK bệnh CK	2	100	0	98 (0-98)	2
MH 44	Thực tập TN	4	240	0	237(0-237)	3
	Tổng số (I+II)	92	2673	863	1735	75

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết cho các môn học đào tạo

- Căn cứ vào chương trình đào tạo và danh mục các môn học đào tạo ngành, chuyên môn triển khai xây dựng chương trình các môn học chi tiết đến các nội dung mục, tiểu mục hoặc tiêu đề, tiêu tiêu đề cần có để thuận tiện cho việc giảng dạy.

- Khi xây dựng chương trình chi tiết môn học phải thực hiện đúng nội dung mục tiêu của chương trình đào tạo đã được ban hành, các nội dung được quy định theo Thông tư số: 03/2017/TT - BLĐT BXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm như 27/2, 26/3, 19/5... - Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm như 19/5, 20/11.... - Ngoài giờ học hàng ngày
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện của nhà trường để đọc sách, tham khảo tài liệu và tra cứu thông tin	- Tất cả các ngày trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và hoạt động đoàn thể - Đoàn thanh niên, Hội HSSV tổ chức các hoạt động giao lưu, các buổi sinh hoạt, cắm trại,...	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm như 09/01, 26/3...
5	Khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí tình nguyện	- Dịp 27 tháng 7 hàng năm

4.3. Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3 năm (gồm 6 học kỳ).

Nhà trường bố trí và điều chỉnh các môn học của các học kỳ sao cho đảm bảo được tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo.

Xếp lịch dạy học:

- Khi xây dựng lịch dạy học phòng Quản lý đào tạo cần phân định rõ các môn học độc lập hay phụ thuộc.

- Các môn học độc lập: là những môn học không cần điều kiện tiên quyết và sự nhận thức chúng không cần đến kiến thức của các môn học khác (môn học trước). Do vậy, có thể bố trí dạy các môn học này vào bất kì thời điểm nào trong quá trình đào tạo.

- Các môn học phụ thuộc: Là những môn học cần trang bị trước những kiến thức của một hay một số môn học khác thì sinh viên mới có thể nhận thức được. Những môn học cần được trang bị trước là những môn học tiên quyết (môn học trước). Do vậy, cần bố trí các môn học này theo trình tự logic trước-sau một cách rõ ràng.

4.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Thời gian tổ chức thi/kiểm tra hết môn học áp dụng theo Điều 12, Điều 13, Điều 14 của Thông tư 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Và được hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo của nhà trường.

4.4.1. Lý thuyết

- Đánh giá bộ phận (điểm đánh giá quá trình): Ngay từ đầu học kỳ, giảng viên phải công bố cho sinh viên về các hình thức đánh giá môn học.
- Kiểm tra, thi kết thúc môn học ngay sau khi học xong mỗi môn học.
- Hình thức thi: Thi bằng các câu hỏi trắc nghiệm khách quan (mỗi môn học sẽ xây dựng bộ ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm) kết hợp câu hỏi tự luận cải tiến, tiến tới thi trên máy vi tính.

4.4.2. Thực hành

- Dựa vào bảng kiểm có thang điểm.
- Đánh giá đạt/không đạt sau mỗi kỹ thuật chăm sóc.
- Mỗi môn học thực hành tại trường được quyết định đạt/không đạt dựa vào kết quả đánh giá tất cả các kỹ thuật chăm sóc.
- Môn học thực hành tại bệnh viện được đánh giá quy đổi theo thang điểm 10, dựa vào 6 tiêu chí:
 - + Chăm chỉ
 - + Đạo đức nghề nghiệp - Kỹ năng giao tiếp
 - + Kiến thức chuyên môn
 - + Thực hiện chỉ tiêu tay nghề
 - + Thực hiện quy trình các kỹ thuật chăm sóc người bệnh
 - + Sự tiến bộ và mức độ thành thạo thực hiện các kỹ thuật chăm sóc.

Thang điểm của 6 tiêu chí là:

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm	Quy định đạt mức điểm tối đa
1	Chăm chỉ	10,0	Đạt 100% thời gian đi bệnh viện. Luôn bên cạnh người bệnh để theo dõi, chăm sóc
2	Đạo đức nghề nghiệp – Kỹ năng giao tiếp	10,0	Nhiệt tình, cảm thông và hết lòng chăm sóc, hướng dẫn người bệnh. Nhân viên bệnh viện và người bệnh trong khoa yêu quý. Không có ai trong khoa phàn nàn về thái độ

3	Kiến thức chuyên môn	20,0	Trình bày đúng và đầy đủ các tình huống lâm sàng xảy ra ở người bệnh được phân công chăm sóc
4	Thực hiện chỉ tiêu tay nghề	30,0	Hoàn thành 100% chỉ tiêu tay nghề theo quy định của nhà trường
5	Thực hiện quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh	20,0	Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh, đảm bảo vô khuẩn, an toàn
6	Sự tiến bộ và mức độ thành thạo	10,0	Sự tiến bộ và thành thạo có thể dễ dàng nhận thấy được sau đợt thực tập
Tổng điểm		100	

4.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

4.5.1. Hướng dẫn thi tốt nghiệp gồm 3 phần:

- Phần lý thuyết tổng hợp:

Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm) với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời.

Kế hoạch thi kiến thức, kỹ năng nghề do hiệu trưởng quyết định và phải được thông báo cho người học nghề biết trước 30 ngày trước khi tiến hành tổ chức thi.

Thi viết câu hỏi tự luận hoặc câu hỏi trắc nghiệm; hoặc thi trên máy vi tính (máy chấm thi) bao gồm nội dung tổng hợp kiến thức các học phần trọng tâm liên quan trực tiếp đến nghề nghiệp như:

- + CSSK người lớn Nội khoa - người cao tuổi;
- + CSSK người lớn Ngoại khoa;
- + CSSK trẻ em;
- + Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm;
- + CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình.

- Phần thực hành:

- + Lập kế hoạch chăm sóc trên người bệnh tại bệnh viện.
- + Thi Kỹ thuật Điều dưỡng: Bóc thăm 01 kỹ thuật đã học (thi tại phòng thực hành của Trường).

- Chính trị: Theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thi môn chính trị được tổ chức theo hình thức thi viết tự luận với thời gian 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian 60 phút.

Kế hoạch thi môn Chính trị do Hiệu trưởng quyết định và phải được

thông báo cho người học nghề biết trước 15 ngày trước khi tổ chức thi.

4.5.2. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khoá học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Kết quả thi tốt nghiệp hoặc kiểm tra kết thúc khoá học đạt yêu cầu theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Đánh giá tốt nghiệp theo Thông tư 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

4.6. Các chú ý khác

Dựa theo chương trình đào tạo này, khi xây dựng chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng vừa làm vừa học hệ 2 năm cho các đối tượng có trình độ cùng ngành cần bổ sung những môn học bắt buộc và một số môn học tự chọn mà trong chương trình đào tạo trung cấp chưa giảng dạy, còn thiếu so với chương trình đào tạo chính quy 3 năm.

HIỆU TRƯỞNG

Ths. Lê Minh Quân